

Số: 165/2020/QĐST-HNGĐ

P, ngày 30 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 144/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020, giữa:

- *Nguyên đơn*: **Chị Trần Thị Mỹ Nh**, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Thôn Tô Đ, xã T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- *Bị đơn*: **Anh Lê Văn S**, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Thôn K, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị Mỹ N và anh Lê Văn S.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Trần Thị Mỹ N và anh Lê Văn S có 01 con chung tên là Lê Văn M, sinh năm 08/7/2019. Chị N và anh S tự nguyện thỏa thuận giao cháu M cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Lê Văn S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Thời gian đóng tiền cấp dưỡng kể từ khi Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và

sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Minh đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị N có đơn yêu cầu thi hành án mà anh S chưa thanh toán thì hàng tháng anh S còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với khoản tiền và thời gian chưa thi hành án.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị Mỹ N và anh Lê Văn S đều xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và không nợ của ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Hai đương sự thỏa thuận, chị Trần Thị Mỹ N chịu toàn bộ án phí ly hôn là 150.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị N đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 009216 ngày 02/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ.

Trần Thị Thanh Vân